

Số: /QĐ-TTYT

Chợ Mới, ngày 23 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thu hồi dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2024 đã hết nhiệm vụ chi

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 76/QĐ-SYT ngày 18/01/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, thành phố trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1514/QĐ-SYT ngày 19/12/2024 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bắc Kạn về việc thu hồi dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2024 đã hết nhiệm vụ chi;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thu hồi dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2024 đã hết nhiệm vụ chi, trong đó:

(Số liệu chi tiết theo Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Các ông, bà: Trưởng Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- Sở Y tế tỉnh Bắc Kạn;
- BGD TTYT;
- Phòng KHN (CK trên Cổng TTĐT);
- Lưu: VT, KT (Nhưng).

GIÁM ĐỐC

Vũ Đình Viêt

Biểu số 02 - Ban hành kèm theo Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 Bộ trưởng BTC

Đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới

Chương: 423

**CÔNG KHAI THU HỒI DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
NĂM 2024 ĐÃ HẾT NHIỆM VỤ CHI**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-TTYT ngày /12/2024 của TTYT Chợ Mới)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Số tiền
01	02
II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH	161.575.145
1. Giáo dục, đào tạo, dạy nghề (423.070)	
2. Quản lý hành chính (423.340.341)	0
2.1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2.2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	0
3. Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình (423.130)	133.575.145
3.1. Hoạt động Y tế dự phòng (423.130.131)	133.575.145
3.1.1. Kinh phí thường xuyên hệ Dự phòng	
3.1.2. Kinh phí thường xuyên hệ xã, phường	
3.1.3. Kinh phí không thường xuyên	133.575.145
3.2. Hoạt động khám chữa bệnh (423.130.132)	0
3.2.1. Kinh phí thường xuyên	0
3.2.2. Kinh phí không thường xuyên	0
3.3. Hoạt động Y tế khác (423.130.139)	0
3.3.1. Kinh phí thường xuyên	0
3.3.2. Kinh phí không thường xuyên	0
4. Đảm bảo xã hội (423.370.398)	28.000.000
4.1. Kinh phí thường xuyên	
4.2. Kinh phí không thường xuyên	28.000.000

